TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HSST
Ngày: 29/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Mộng Dung;

2. Bà Trương Thị Bích Tuyền.

Thư ký phiên toà: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn D (L), sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú: tổ 30, khóm V, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1970 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 15/02/2017 Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc ban hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở điều trị cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 11/02/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2018 cho đến nay.

2. Nguyễn Quốc Th (Th M), sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: tổ 02, khóm Châu Long 4, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kh; có vợ và 01 con tên Nguyễn Hồ Phương V,

sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và không có án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2018 cho đến nay.

Bị hại: Tô Tuyết V1, sinh ngày 13/3/2010; nơi đăng ký thường trú: tổ 19, khóm Q, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Trần Phước T, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Bùi Văn Nh, sinh năm 1970; nơi đăng ký thường trú: tổ 19, khóm Q, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bùi Văn Nh, sinh năm 1970; nơi đăng ký thường trú: tổ 19, khóm Q, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang;

- Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: tổ 06, khóm Q, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang;

- Nguyễn Nhựt L, sinh năm 1983; nơi đăng ký thường trú: khóm B, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Phạm Thị Đ, sinh năm 1952;

- Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1989;

Bị cáo, ông Trần Phước T và ông Nguyễn Thành Ph có mặt; bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan: Ông Bùi Văn Nh, ông Nguyễn Nhựt L và những người làm chứng vắng mặt tại Phên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 21/11/2018, cần tiền mua ma túy sử dụng, Nguyễn Quốc Th điều khiển xe môtô biển số 63B9 – 61961 chở Nguyễn Tuấn D đi tìm tài sản để chiếm đoạt, khi đến khu vực tổ 09, khóm Q, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang ngang qua nhà Bùi Văn Nh, D kêu Th dừng xe cảnh giới cho D vào nhà của Nh, khi vào nhà thấy Tô Tuyết V1 cháu của Nh đang cầm máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A6 xem Phm, D giật máy tính trên tay V1 nhanh chóng chạy ra xe cho Th chở đi tẩu thoát. Ngày 22/11/2018, D, Th đem máy tính bảng đến tiệm điện thoại "Hiếu Thịnh" bán cho Nguyễn Nhựt L, giá 1.200.000 đồng, D lấy 1.000.000 đồng trả nợ cho Trần Ánh S (S Lý Le) còn lại D và Th chia nhau tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐG ngày 04/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc xác định:

01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tad A6, màu trắng bạc đã qua sử dụng. Tỷ lệ sử dụng còn lại 50%, trị giá 1.600.000 đồng.

Cáo trạng số 25/CT-VKS-TPCĐ ngày 24/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Nguyễn Tuấn D và Nguyễn Quốc Th về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự).

Tại Phên tòa,

Bị cáo Th khai nhận, bị cáo và D là bạn bè có sử dụng ma túy chung nên khi được D rủ, bị cáo đồng ý và đã lấy xe mô tô biển số kiểm soát 63B9 – 61961 chở D đi tìm tài sản để chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài. Khi chở D chạy ngang qua nhà của anh Nh, D kêu bị cáo quay đầu xe lại và dừng đậu phía trước nhà anh Nh. Sau đó, D đi vào trong nhà của anh Nh. Lát sau D đi ra và kêu bị cáo chạy xe đi. Trên đường đi, D có nói là đã lấy được máy tính bảng. Sau đó, cả 02 đem máy tính bảng lấy được tại nhà anh Nh đem đến tiệm điện thoại Hiếu Thịnh, bán cho Nguyễn Nhựt L được số tiền 1.200.000 đồng.

Bị cáo D thống nhất lời khai của bị cáo Th, bị cáo D khai nhận, chính bị cáo là người đã rủ bị cáo Th và bị cáo cũng là người đã trực tiếp vào nhà của anh Nh giật lấy máy tính bảng trên tay của bị hại – cháu Tô Tuyết V1 khi bị hại đang cầm xem Phm và sau đó bị cáo cùng bị cáo Th đem máy tính bảng đi bán được số tiền 1.200.000 đồng. Bị cáo đã lấy 1.000.000 đồng trả nợ cho Trần Ánh S, còn lại bị cáo và bị cáo Th chia nhau tiêu xài.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ông Nguyễn Thành Ph có lời khai cho biết, xe mô tô biển số 63B9 – 61961 là xe do ông đã mua lại của những người làm nghề mua bán xe. Khi mua, xe hoàn toàn không có giấy tờ, xe này ông đã cho bị cáo để làm phương tiện đi lại, ông không còn là chủ sở hữu, việc xử lý đối với chiếc xe như thế nào tùy Tòa án xét xử, ông không yêu cầu nhận lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày, bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác. Bị hại có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại Phên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được kiểm chứng tại Phên tòa nên có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét về tính chất của vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Trong đó, bị cáo D có vai trò chủ động, trực tiếp rủ bị cáo Th thực hiện tội phạm.

Trong quá trình điều tra cũng như tại Phên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; thuộc thành phần lao động nghèo, học lực thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D từ 04 năm đến 05 năm tù; xử phạt bị cáo Th từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô biển số 63B9 – 61961, đây là phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện tội phạm, đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tad A6, đã trả lại cho bị hại nên không đề cập xem xét giải quyết lại.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Nhựt L không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng; bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Đối với Trần Ánh S (S Lý Le) hiện bỏ địa phương đi không rõ lý do, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Nhựt L có hành vi nhận mua máy tính bảng do các bị cáo đem đến bán, không biết các bị cáo do phạm tội mà có, tuy không xử lý nhưng cần công khai giáo dục tại Phên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại Phên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại Phên tòa, bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia Phên tòa nhưng tại Phên tòa, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan đến vụ án: Bùi Văn Nh, Nguyễn Nhựt L và những người làm chứng vắng mặt. Xét, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan đến vụ án và những người làm chứng. Quá trình điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan đến vụ án và người làm chứng đã có lời khai, ý kiến trình bày nên việc vắng mặt tại Phên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo tại Phên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại Phên tòa như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an phường Châu Phú B lập hồi 12 giờ 55 phút, ngày 21/11/2018, tiếp nhận tin báo từ ông Bùi Văn Nh (BL 31); Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu (vật chứng vụ án) do Công an phường Châu Phú B lập ngày 05/12/2018 (BL 53 - 54); Biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu Đốc lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 27/11/2018 (BL 46 - 47); Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự (BL 68); Bản ảnh được trích xuất từ camera vào ngày 21/11/2018 tại khu vực tổ 19, khóm Q, phường V, thành phố D (BL 36 – 45), có căn cứ xác định:

Do cần tiền tiêu xài, khoảng 12 giờ ngày 21/11/2018, bị cáo D đã rủ bị cáo Th đi tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi chạy xe đến khu vực tổ 09, khóm Q, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang, ngang qua nhà của anh Bùi Văn Nh, các bị cáo đã dừng xe lại, đậu phía trước cách nhà anh Nh một đoạn. Bị cáo D đã đi bộ vào nhà anh Nh giật lấy trên tay của cháu Tô Tuyết V1 (sinh ngày 13/3/2010) một máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tad A6 rồi nhanh chóng chạy ra xe

mô tô bị cáo Th chờ sẵn để chở đi tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn mặt khách quan của tội cướp giật tài sản.

Các bị cáo đều trên 18 tuổi, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, thể hiện qua việc sau khi lấy được tài sản, các bị cáo đã đem bán cho Nguyễn Nhựt L được số tiền 1.200.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài. Đồng thời, bị hại – cháu Tô Tuyết V1 tại thời điểm các bị cáo thực hiện tội phạm mới hơn 08 tuổi.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng "*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, đồng thời phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tính chất vụ án:

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, hỗ trợ cho nhau trong thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, ở bị cáo D giữ vai trò chính, chủ động trong việc rủ rê bị cáo Th cũng như trong thực hiện tội phạm. Do đó, có xem xét phân hóa trách nhiệm hình sự giữa các bị cáo trong khi lượng hình.

[6] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra và tại Phên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo. Về nhân thân, các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, học lực thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trong khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Ngoài việc thể hiện sự thành khẩn trong khai ra hành vi đã thực hiện, các bị cáo không có sự chủ động, tích cực trong việc cung cấp thêm các nguồn chứng cứ khác có giá trị chứng minh hành vi phạm tội đã thực hiện nên không có căn cứ xem xét cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án*" quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự còn quy định:

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Xét, các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại và ông Nguyễn Nhựt L không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm thiệt hại nào khác cũng như hoàn trả lại số tiền 1.200.000 đồng nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[9] Về xử lý vật chứng:

Tại Phên tòa, ông Ph xác định đã cho bị cáo Th xe mô tô biển số 63B9 – 61961, bị cáo Th đã sử dụng xe vào việc thực hiện tội phạm cùng với bị cáo D, xét tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tad A6, đã giao trả lại cho bị hại trong giai đoạn điều tra nên không đề cập xem xét giải quyết lại.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với Trần Ánh S (S Lý Le), hiện đã bỏ địa phương đi không rõ lý do, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Nhựt L có hành vi nhận mua máy tính bảng do các bị cáo đem đến bán, không biết các bị cáo do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cần công khai giáo dục tại Phên tòa nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong công tác phòng, chống tội phạm như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Tuấn D (L); Nguyễn Quốc Th (Th M) phạm tội "*Cướp giật tài sản*";

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn D (L): 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo D được tính kể từ ngày 05/12/2018 *(năm, tháng mười hai, năm hai ngàn không trăm mười tám).*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc Th (Th M): 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Th được tính kể từ ngày 07/12/2018 *(bảy, tháng mười hai, năm hai ngàn không trăm mười tám).*

Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen – xám, số máy: 5C63101179; số sườn: RLCS5C6908Y101179, biển số 63B9 – 61961, không bửng chắn bùng xe, đèn trước bị bể, mặt nạ trước bị bể, không có nắp đậy dây sên (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Nguyễn Tuấn D, Nguyễn Quốc Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông Nguyễn Thành Ph có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, ông Bùi Văn Nh, ông Nguyễn Nhựt L vắng mặt tại Phên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tâm